

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

\* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Viết Tâm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Hứa Văn Khương.

2/. Ông Huỳnh Khởi.

\* Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu, Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 493/2020/TLST-HNGĐ ngày 9/11/2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 7/01/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/01/2021, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn*: Bà **Đỗ Thị Hồng N**, sinh năm 1976

HKTT: Số A, ấp X, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

Chỗ ở hiện nay: Số B, ấp Số N, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

\* *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1981

HKTT: Số A, ấp X, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2020, nguyên đơn bà Đỗ Thị Hồng N trình bày: Vào năm 2016, bà với ông Nguyễn Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/11/2016. Quá trình chung sống, ông bà có một con chung là cháu Nguyễn Văn Thiên Q, sinh ngày 14/12/2017, hiện nay cháu Q đang sống chung với bà. Sau đó ông bà phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, ông H không lo kinh tế gia đình, không quan tâm đến vợ con, ông bà đã không còn chung sống với nhau hơn 01 năm nay. Nay nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông H, xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q đến tuổi trưởng thành, ông H cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng, về tài sản chung và nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N và ông H được ly hôn, giao con chung cho bà N nuôi, ông H cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2] Ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng ông vắng mặt đến lần thứ hai mà không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, bà N và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông H nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[3] Năm 2016, bà Đỗ Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/11/2016. Vì vậy, hôn nhân của ông bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà N cho rằng sau một thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, ông H không lo kinh tế gia đình, không quan tâm đến vợ con, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên ông bà không còn chung sống với nhau và bà yêu cầu ly hôn với ông H. Thấy rằng: Hôn nhân giữa bà N và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà đã không còn chung sống với nhau, không có biện pháp hàn gắn tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, tại phiên tòa bà N cương quyết xin ly hôn với ông H, ông H không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N, cho bà và ông H được ly hôn để mỗi người tạo lập cuộc sống mới.

[4] Về con chung: Bà N và ông H có một người con chung là cháu Nguyễn Văn Thiên Q, sinh ngày 14/12/2017, hiện nay cháu Q đang sống chung với bà N. Bà N yêu cầu được nuôi cháu Q đến tuổi trưởng thành, ông H không có văn bản trình bày ý kiến

của mình. Để cháu Q ổn định tâm lý và môi trường sống. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Q cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Ông H không có ý kiến trình bày về vấn đề này. Thấy rằng: Tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*”. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc ông H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung của ông với bà N. Theo quy định tại Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “*Mức cấp dưỡng cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*”. Do bà N và ông H không thỏa thuận được về mức cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của cháu Q, buộc ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp thực tế tại địa phương. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày tuyên án cho đến khi cháu Q đến tuổi trưởng thành.

[6] Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông H, không ai được quyền ngăn cản.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng; ông H phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[9] Như đã nhận định nêu trên, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280, điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2, Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Hồng N.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Hồng N được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2/. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Thiên Q, sinh ngày 14/12/2017 cho bà Đỗ Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

3/. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Văn Thiên Q mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng); thời gian cấp dưỡng kể từ khi tuyên án (24/02/2021) cho đến khi cháu Q đến tuổi trưởng thành. Nghĩa vụ cấp dưỡng này được thi hành ngay.

4/. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Nguyễn Văn H, không ai được quyền ngăn cản.

5/. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đỗ Thị Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6/. Về án phí: Bà Đỗ Thị Hồng N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0006768 ngày 9/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Bà N đã nộp đủ tiền án phí. Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

7/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

8/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã B, H. K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Thạch Viết Tâm**